TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ PHỔ YÊN** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 49/2019/QĐST –HNGĐ	*Phổ Yên, ngày 26 tháng 3 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số:56/2019/TLST - HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2019 giữa:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm 1970;

Bị đơn: Anh Đặng Đình C, sinh năm 1964;

Cùng địa chỉ: Xóm Tr T, xã TH, thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 55, 81,82,83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 3 năm 2019;

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự đượ̣c ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 3 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. ***Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:*** Chị Lê Thị H và anh Đặng Đình C.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị H và anh Đặng Đình C xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên nhất trí thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Chị Lê Thị H và anh Đặng Đình C xác định trong quá trình chung sống vợ chồng không có con chung:

2.3. Về tài sản chung: Chị Lê Thị H và anh Đặng Đình C xác định trong

quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung.

2.4. Về tài sản riêng: Chị Lê Thị H và anh Đặng Đình C thống nhất thỏa thuận đề nghị Tòa án ghi nhận cho anh chị cụ thể như sau: Anh Đặng Đình C có trách nhiệm trả lại cho chị Lê Thị H số tiền 22.000.000đồng và 3 chỉ vàng quy thành tiền là 10.800.000đồng (là tài sản riêng của chị Hồng đã đưa cho anh Chiểu).Tổng cộng anh C có trách nhiệm trả cho chị H số tiền 32.800.000đồng (ba mươi hai triệu tám trăm nghìn đồng).

Thời hạn anh C trả số tiền 32.800.000đồng cho chị H là ngày 20/10/2019 (dương lịch).

Chị H được quyền sở hữu, sử dụng số tiền 32.800.000đồng (ba mươi hai triệu tám trăm nghìn đồng) do anh C trả.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật, đến thời hạn trả tiền trên, nếu anh C không trả được tiền cho chị H, chị H có đơn đề nghị thi hành án thì hàng tháng anh C phải trả lãi suất của số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự.

2.5.Về nợ chung, các khoản cho vay chung: Không có.

2.6. Về án phí: Chị Lê Thị H nhận nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước, được khấu trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009917 ngày 28/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã PY. Trả lại cho chị Lê Thị H 150.000đ tiền tạm ứng án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân thị xã PY;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên;
- Chi cục thi hành án dân sự thị xã PY;
- UBND xã TH;
- Lưu hồ sơ.

Hà Thị Thu Thủy